

Số: 77/2020/QĐST- HNGĐ

Hà Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; ĐKKHKT: Tổ 3, phường M, TP H; nơi cư trú: Ngõ 200, tổ 02, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Tiến D; Địa chỉ: Phòng H - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b khoản 6; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H; ĐKKHKT: Tổ 3, phường M, TP H; nơi cư trú: Ngõ 200, tổ 02, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang và anh Phạm Tiến D; địa chỉ: Phòng H - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh Hà Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Tiến D nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Phạm Phương A, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Minh C; sinh ngày 13/10/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh D có trách nhiệm dưỡng cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Phương A theo mức 1.500.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, chị H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh D có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về Tài sản chung:

+ Anh Phạm Tiến D được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 mảnh đất có chiều ngang (hướng chéch Nam) bám theo mặt đường dân sinh rộng 4m; chiều ngang phía sau (hướng Tây Bắc) rộng 4m; chiều giáp đất ông L (hướng Bắc) dài 25m; chiều giáp đất ông C (hướng Đông) dài 25m, tổng diện tích đất là 100m² thửa đất số 198 cũ (nay là thửa 407), tờ bản đồ 23; loại đất ODT, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR435367 ngày 08/6/2015 mang tên ông Nguyễn Bình T, bà Nguyễn Thị Hải Ph đã đăng ký biến động sang cho ông Phạm Tiến D, bà Phạm Thị H ngày 30/9/2015. Trên đất có 01 nhà xây 2 tầng + 1 tum xây dựng năm 2015, khung bê tông cốt thép chịu lực, tường gạch 110. Nền tầng 1 và 62,8m² tầng 2 lát gạch hoa; diện tích 15,6m² tầng 2 và tum thang nền chưa lát gạch; phần mái che lợp tôn dựng cột thép tầng 2 diện tích 15,6m². Địa chỉ thửa đất và nhà: Tổ 02, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, tổng trị giá đất và nhà là: 1.050.000 (*Một tỉ không trăm năm mươi triệu đồng*) (Có sơ đồ đất, nhà chi tiết kèm theo).

- Anh Phạm Tiến D có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho chị Phạm Thị H số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn trả tiền vào ngày 30/7/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

- Các tài sản là đồ dùng sinh hoạt khác: Không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá 2.000.000đ (*đã thi hành xong*).

- Về công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000đ và phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với mức giá trị tài sản chung được hưởng là 10.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, biên lai thu số 01475 ngày 10/01/2020.

+ Anh D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với mức giá trị tài sản chung được hưởng là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Nguyễn T
- TP HG, tỉnh Hà Giang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình